

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **50/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 30/6/2025

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Vũ Thị Thuỳ Dương**

2. Ông **Lê Đức Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Sỹ Khánh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2025/QĐST- HNGĐ ngày 24/6/2025 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ H, ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: anh **Nguyễn Quang Q**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ H, ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: ấp E, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Quang Q trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu, thương yêu nhau trong một thời gian, đến năm 2004 thì tiến tới hôn nhân với nhau, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 08/9/2010. Đây đều là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vì các con mà chị vẫn cố gắng chịu đựng và tiếp tục chung sống với anh Q. Tuy nhiên vợ chồng đã sống ly thân nhau 05 năm nay, anh Q đã về nhà cha mẹ đẻ ở ấp E, xã S sinh sống từ đó cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan

điểm sống, anh Q không biết quan tâm chăm sóc vợ con, không lo cho gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, chửi bới, đánh đập chị nhiều lần, mâu thuẫn ngày càng gay gắt từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay do cuộc sống hôn nhân của chị và anh Q không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Quá trình chung sống anh chị có 03 người con chung là Nguyễn Thủy Thùy T, sinh năm 2004; Nguyễn Quang Q1, sinh năm 2006 và Nguyễn Q2, sinh ngày 29/9/2010, hiện tại cháu Q2 đang sinh sống cùng với chị N; còn cháu T và Q1 đã trưởng thành và có khả năng lao động. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Q2, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Từ khi thụ lý Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Quang Q, nhưng anh Q vẫn vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ.*

** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị N và anh Q ly hôn; về con chung: giao cháu Nguyễn Q2, sinh ngày 29/9/2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Q; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Quang Q, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Quang Q có hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai và hiện đang sinh sống tại: ấp E, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Phạm Thị N có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Quang Q đã được Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Q vẫn

vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Quang Q đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124/2010 ngày 08/9/2010 theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N nhận thấy:

Theo trình bày của chị N thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Q sống không có trách nhiệm, không biết quan tâm, chăm sóc cho gia đình, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, vợ chồng đã sống ly thân nhau 5 năm nay. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến hôm nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh Q trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh Q vẫn vắng mặt, điều này thể hiện anh Q không tôn trọng pháp luật và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh Q. Căn cứ Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Q.

[6] Về con chung: Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Q2, sinh ngày 29/9/2010, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Qua lời trình bày của chị N thì thấy, từ khi sinh ra đến nay cháu Q2 do chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu Q2 cũng có nguyện vọng sống với chị N. Hiện tại chị N có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu Q2 thì thấy nên giao cháu Q2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình. Nên chấp nhận cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q2. Cháu Nguyễn Thủy Thùy T, sinh năm 2004; Nguyễn Quang Q1, sinh năm 2006 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: chị N xác định tài sản chung và nợ chung không có, do anh Q vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị N phải nộp án phí sơ thẩm về ly hôn.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật HN và GD năm 2000;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật HN và GD năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Quang Q.

- Về con chung: giao con chung Nguyễn Q2, sinh ngày 29/9/2010 cho chị Phạm Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Quang Q.

Anh Nguyễn Quang Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: chị Phạm Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0013082 ngày 27/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ). Chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Xuân Tây;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên